

# Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp - Dậu - \*rơ(ga) - gà (phần 14)

Nguyễn Cung Thông

[nguyencungthong@yahoo.com](mailto:nguyencungthong@yahoo.com)

Phần này viết về chi Dậu hay là chi thứ 10 của thập nhị chi hay 12 con giáp. Dậu 酉 hay 𠂔 được dùng để chỉ thời gian như giờ (từ 5 đến 7 giờ chiều), tháng tám, năm ... hay không gian (phương tây). Phần này chỉ chú trọng vào những tương quan ngữ âm của Dậu và các dạng của (danh từ) gà, thay vì các khái niệm của Dậu trong Ngũ Hành/kinh Dịch hay thời không gian như đã nói ở trên. Phân tích sâu xa hơn về lịch sử hình thành chữ Dậu cho ta thấy chữ và âm này chẳng dính dáng gì đến tên loài gà trong tiếng Hán và sẽ thấy các mối dây liên hệ đến nhánh Mường Việt hay tiếng Việt Cổ - một lần nữa cho thấy nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp. Tiếng Thái năm Dậu gọi là ຝື່ອນ bpee rá-gaa hay là bpee gài (gài là con gà) cho thấy ngay mối dây liên hệ giữa gà, ra-ga và Dậu. Phần sau sẽ đi sâu hơn về các liên hệ này. Người viết sẽ tránh dùng thuật ngữ để người đọc dễ cảm nhận các bài viết này hơn; Thanh điệu của một âm được ghi bằng số hay mẫu tự (như F là Falling tone) và đứng sau chữ đó, so với cách ghi thanh điệu tiếng Việt hay phiên âm (bính âm, pinyin) giọng Bắc Kinh/BK bây giờ. Các dữ kiện như tiếng Thái, Lào, Hán Việt ... sẽ không có trích dẫn nguồn (vì rất dễ kiểm tra) so với những bài viết hay tài liệu ngôn ngữ đặc biệt hơn. Không nên lẫn lộn số phụ chú đứng sau một chữ với cách ghi thanh điệu trong bài, so với cách ghi thanh điệu của tiếng Việt. Những vấn đề, tuy không trực tiếp nằm trong chủ đề bài này, nhưng theo thiện ý người viết cần được đào sâu hơn sẽ được ghi nhận để chúng ta có cơ hội tra cứu thêm : thí dụ như ảnh hưởng của văn hoá 12 con giáp trong truyện Kiều, nguồn gốc tên gọi các loài thú vật trong ngôn ngữ ...

## 1. Giới thiệu tổng quát

### 1.1 Gà trong văn hoá TQ

Trong 12 con giáp chỉ có gà là được vinh dự tôn làm đức cầm, hay loài chim có ‘đạo đức’; Cùng với hổ, gà có khả năng ‘thần thông’ nên thường được vẽ trên cửa nhà như là thần giữ cửa. Hình ảnh loài gà đã hiện diện từ lâu đời trong văn hoá Trung Quốc/TQ, phản ánh qua những thành ngữ tục ngữ như

*Ngai nhược mộc kê* : ngán ngơ như gà (bằng) gỗ - ngây đơ vì ngạc nhiên

*Kê minh cầu đạo* : gà gáy chó trôn (dựa vào sự tích Mạnh Thường Quân trôn thoát được là nhờ giả tiếng gà gáy) - ám chỉ hành vi thấp hèn của người đời ...

*Hạc lập kê quần* hay *kê quần hạc lập* : con hạc giữa bầy gà - chỉ người tài năng hơn người

*Kê mao toán bì* : lông gà vỏ tỏi - chỉ những vật không có giá trị

*Kê trùng đặc thât* : gà sâu được mắt - chỉ những loài/vật không có giá trị

*Kê linh cầu toái* : vụn vật linh tinh, đầu thừa đuôi thẹo ...

*Kê tranh nga đấu* : ngỗng ganh gà đá - hàm ý tranh giành lẫn nhau vì chuyện nhỏ mọn

*Văn kê khởi vũ* - ý chỉ người hăng hái (hưởng ứng) ra giúp nước (dựa vào sự tích trong Tô Thức truyện của Hán Thư)

*Kê khuyển bất ninh* : gà cho không yên lành - hàm ý rối loạn

*Tấn kê tư thân* : gà mái làm chủ buổi sáng - hàm ý đàn bà soán quyền ... (không hợp lẽ)

*Kê minh khuyển phệ* : gà gáy chó sủa - chỉ cảnh thôn quê

*Kê lạc công danh* : xương sườn gà như công danh (ăn không ngon nhưng bỏ thì tiếc như công danh vậy)

*Kê khẩu ngư hầu* hay *kê thi ngư tòng* : miệng gà (hơn là) đít bò - hàm ý thà đứng trước kẻ nhỏ chứ không thềm ở sau kẻ lớn, thà làm đầu chuột còn hơn đuôi voi ...

*Kê khuyển bất lưu* : gà chó chẳng tha - thẳng tay chém giết ...

*Kê đàn bàng thạch đầu* : trứng gà va vào đầu đá - hàm ý trứng chọi (vội) đá

*Kê mao phi thượng thiên* : lông gà bay lên trời - hàm ý làm chuyện gì mới mẻ (chưa từng làm bao giờ, như lông gà bay lên trên trời)

*Kê bì ngật đáp* : da sồn vẩy ốc, nổi da gà ...

*Kê phi đàn đả* : đàn 蛋 (trứng) - gà bay trứng vỡ, xôi hỏng bỏng không ...

*Kê mao* : lông gà, thường gắn vào thơ chỉ sự khẩn cấp như *kê mao tín* là thơ lông gà, thơ hoả tóc

*Kê mao đạn tử* : đạn 擲 (phủi, quét) - cái chổi lông gà

*Kê mao đáng lệnh tiên* : xem lông gà như thẻ lệnh (lệnh tiên), việc nhỏ xé to ...

*Kê minh báo hiếu* : gà gáy (báo) bình minh

*Kê đàn lý khiêu cốt đầu* : tìm xương trong trứng gà - hàm ý tìm kiếm lỗi lầm khi không chúng không hề xảy ra

*Kê khuyển tương văn* : nghe được tiếng gà và chó - hàm ý ở gần nhau lắm

*Kim kê độc lập* : gà (trĩ) vàng đứng một chân, một thế võ đứng một chân - lời ca tụng tự mình biết lo (độc lập) ...

*Kê khuyến thăng thiên* : gà chóc lên trời - hàm ý được thăng quan tiến chức nhờ có liên hệ với quan 'lớn' ...

*Kê khuyến chi thanh tương vãn, lão tử bất tương vãng lai* : hàm ý không bao giờ thăm viếng nhau dù ở rất gần!

*Kê khuyến bất kinh* : không được làm gà chóc kinh động - chỉ kỷ luật nghiêm khắc

*Kê bì hạt phát* : da gà tóc hạc (tóc bạc) - hàm ý già lắm

...v.v...

Theo 'Thái Bình Ngự Lãm' thì vào thời Hoàng Đế, phượng 鳳 được coi là gà. Còn theo 'Luu Tử Tân Luận' thì phượng hoàng 鳳凰 nước Sở chính là con gà rừng (trích "Văn hoá 12 con giáp" Thường Tuấn - sdd). Các truyền thuyết TQ trên cho thấy gà cũng có mặt nhưng lại qua dạng phượng hoàng, hay 'vua' của loài chim cũng như đã từng là biểu tượng của đế vương.

## **1.2 Gà trong văn hoá Việt Nam**

Mỗi độ xuân về, không ai mà không nhớ đến mấy câu thơ Tết như của Tú Xương

*Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột*

*Om sòm trên vách bức tranh gà*



Tranh dân gian từ làng Đông Hồ - trích từ [http://nguyentl.free.fr/html/cadre\\_sommaire\\_vn.htm](http://nguyentl.free.fr/html/cadre_sommaire_vn.htm)

Gà hiện diện trong truyện Kiều 4 lần (qua âm Nôm gà chứ không phải kê HV)

*Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường* (câu 866)

...v.v...

Tiếng gà gáy còn cho dân ta các tín hiệu về thời tiết, tình trạng của môi trường chung quanh như

*Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa ...*

*Gà gáy canh một hoả tai, canh hai đạo tặc ...v.v...*

Gà còn rất phổ biến ở Việt Nam, dùng làm thuốc, thịt (món ăn), môn chơi (đá gà) ... Hình ảnh loài vật này rất phong phú trong văn hoá dân gian<sup>1</sup> như qua các thành ngữ tục ngữ :

*Cồng rắn cắn gà nhà* (thường gắn liền với vụ Lê Chiêu Thống cầu cứu nhà Thanh đánh Nguyễn Huệ để khai phục ngai vàng), *gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau* (khuyên đoàn kết), *gà què ăn quần cối xay* (người kém tài thì phải lay hoay kiếm ăn), *gà lên chuồng* (chỉ thời gian), *quáng gà* (bệnh), *(đồ) gà chết* (chửi tục), *ông nói gà bà nói vịt* (không thống nhất), *nổi da gà, trông gà hoá cuốc* (cáo), *đẻ như gà* (đẻ nhiều), *đầu gà còn hơn đầu trâu* (tuy ở vị trí thấp nhưng 'đẻ thờ' hơn), *đầu gà đít vịt* (cọc cạch, chấp nôi), *đầu gà má lợn* (bông lộc của người có địa vị), *trúng gà trúng vịt* (suýt soát như nhau, không hơn kém bao nhiêu), *rối như gà mắc tóc, đẻ như gà, chữ rối như gà, ổ gà, chó*

*cây gần nhà gà cây gần chuồng, chó ăn đá gà ăn sỏi, vịt rần gà cúp chó nuôi, đen như gà ác, làm phù thủy không lẽ thường gà, gà đẻ gà tục tác (vạch lưng cho người ta xem, tự làm lộ khuyết điểm), gà mở cửa mã, miệng như lỗ đít gà (chửi tục), bút sa gà chết, gà trống (sống) nuôi con, gà cỏ trở mỏ về rừng, gà mái gáy gở (điềm gở khi gà mái gáy ... Đàn bà làm việc nam giới thường không được), gà mọc lông măng, gà mượn áo công (dựa thế quan chức mà chèn ép thiên hạ), gà nhà lại bơi bép nhà, gà tức nhau tiếng gáy, gà thỏ đỏ hồ (sống bằng nghề chứa gái đĩ hay mở sòng bạc - đều hàm ý ngoài vòng pháp luật) ...v.v...*

Phần trên cho thấy ảnh hưởng của loài gà rất sâu đậm, thành ra rất khó phân tích các khác biệt của ảnh hưởng loài gà trong văn hoá TQ và Việt Nam : đây có thể là một đề tài lớn cần được nghiên cứu chi tiết thêm. Để thấy rõ nguồn gốc của tên con giáp này, ta hãy xem quá trình thành lập chữ Dậu và thấy ngay là chữ này không hề có một quan hệ nào với loài gà - xem thêm chi tiết về giáp vắn, kim văn và chữ triện trên mạng của tác giả Richard Sears <http://www.chineseetymology.org/> (cập nhật 2008). Chữ Dậu tượng hình vò hay bình chứa rượu. Dậu HV đọc là you3 hay yu1 BK, jau5 Quảng Đông đều tương ứng với nhau - và giống như cách đọc phụ âm đầu d- của Dậu giọng Nam khác với giọng Bắc hiện nay.

Seal Characters (chữ triện)

chữ Dậu

LST Seal Characters (chữ triện)

Bronze Characters (kim văn)

Oracle Characters (giáp cốt văn)

So sánh với cách gọi gà trong tiếng Hán là jī 雞 (giọng Bắc Kinh/BK bây giờ) - kê là âm Hán Việt/HV, cũng là âm Hán Cổ của jī BK tương ứng với các giọng Quảng Đông gà, Hẹ g(k)ue ....

Xem quá trình thành lập chữ kê ta thấy là loại chữ tượng hình (chuy 隹 là loại chim đuôi ngắn) và tượng thanh hệ 奚 xi1 BK - xem liên hệ h-k trong bài "Nguồn gốc Việt (Nam) của tên 12 con giáp - Hợi - gỏi - cú (phần 5)" cho thấy tương quan của hệ và kê - âm phù hệ 奚 chỉ được thêm sau này và còn đơn giản hoá thành hựu 又 (xem chữ kê giản thể với bộ điều chỉ xuất hiện từ thời nhà Thanh).

Seal Characters

(chữ triện)



Chữ kê



Giản thể



LST Seal Characters

(chữ triện)



Bronze Characters

(kim văn) Không thấy có mặt theo Richard Sears

(nhưng theo các tài liệu khác thì có các dạng kim văn – như trong "Tìm về cội nguồn chữ Hán" Lý Lạc Nghị/Jim Waters 1998 .... Dạng kim văn rất giống hình con gà)

Oracle Characters

(giáp cốt văn)



...v. v...

Rõ ràng là Dậu không có liên quan gì đến kê của tiếng Hán, nếu kê được dùng làm biểu tượng cho chi thứ 10 thì không ai đặt vấn đề về nguồn gốc Hán của chi này - nhưng các dữ kiện trên lại cho thấy một nguồn gốc phi-Hán. Theo Khang Hy Dậu đọc là [廣韻] 與九切 [集韻] [韻會] 以九 [正韻] 云九切, 音牖 [Quảng Vận] dữ cửu thiết [Tập Vận] [Vận Hội] dĩ cửu thiết [Chánh Vận] vân cửu thiết, âm dữ - như vậy Dậu theo âm HV là âm Hán Trung Cổ và còn duy trì trong tiếng Việt. Đi ngược dòng thời gian đến thời Đông Hán thì ta thấy Thuyết Văn ghi Dậu là 就也八月黍成可為酎酒象古文酉之形凡酉之屬皆從酉 (tựu dã bát nguyệt thử thành khả vi trửu tửu tượng cổ văn dậu chi hình phạm dậu chi thuộc giai tông dậu) - điều này cho thấy **Dậu** 酉 có liên hệ mật thiết đến **tửu** 酒 mà ta có thể nhận ra

khi xem giáp văn, kim văn và chữ triện tượng hình vò rượu chứ không phải kê hay loài gà ... Xem cách giải thích [釋名] 酒, 酉也 - Thích Danh : tửu, Dậu dã (rượu, là Dậu). Định nghĩa trên của Lưu Hi thời Đông Hán khẳng định nghĩa gốc của Dậu rất phù hợp với các cách viết/khắc cổ trên giáp văn, kim văn, chữ triện ... Nhưng tửu HV còn một dạng cổ hơn nữa trong tiếng Việt (khẩu ngữ), đó là **ruợu**, tiếng Mường là **rao**, tiếng Lào và Thái có dạng **lao<sup>F</sup>** (dạng tiếng Thái thông dụng bây giờ là lao<sup>F</sup> wai ເມັດໄນູ້ với âm lao<sup>F</sup> hợp với âm wine tiếng Anh cho thấy ảnh hưởng tiếng Anh thời cận đại). Ngoài ra, Dậu còn đọc như **ru<sup>6</sup>** (tiếng Yai), **rao** (tiếng Ahom), **hrau<sup>4</sup>** (tiếng Lu)<sup>2</sup>. Các nhận xét trên cho ta một hướng đi về cách phục nguyên phụ âm đầu của Dậu như sau.

## 2. Phụ âm đầu r/l- cổ của Dậu

Tiếng Việt Cổ có những từ song tiết như bà ngựa (ngựa), phá tán ( \*b-sản > rấn ), a ni (này, ni), bồ cóc (con cóc) ... mà ta còn thấy dấu vết qua các văn bản chữ Nôm cổ. Điều này rất phù hợp với nhóm ngôn ngữ anh em của tiếng Việt như tiếng Arem, Chút, Mã Liêng, Pọng, Thà Vụng ... Thí dụ như gà là ka<sup>2</sup> (tiếng Nguồn<sup>3</sup>), ka<sup>1</sup> (Mường Bi/Hoà Bình), la ta (gà gô, hay loại chim đa đa, Mường Bi), caka<sup>1</sup> (Chút), loka (Rục) ... So với các từ gà/kà (Hmông), gà (Việt hiện tại, Lahu, Munda, Lokai), gà yà (Riang, Palaung); Cũng vì các trường hợp từ song tiết như trên mà tác giả André Hadricourt<sup>4</sup> đã đề nghị là các phụ âm đầu xát vang (voiced fricative initials) như là v, đ, g có thể là kết quả của hiện tượng mất tiền tố - hiện tượng này có thể giải thích được từ các dữ kiện trên (loka > gà) hay roko (tiếng Arem) > gạo, kupal (Rục) > vải ....v.v... Tiếng Việt hiện nay vẫn còn các cách dùng như **la cà**, lô nhô, lơ thơ ... cho thấy các âm đầu la, lô, lơ ... có thể là vết tích của tiền tố la- lo- (phụ âm xát đầu lưỡi l) rất dễ hoán chuyển với âm ra- (giọng Nam). Dạng tiền tố này còn phù hợp với cách gọi năm gà của Thái là bpee rá-gaa hay là bpee gà.

Trở lại với tương quan của Dậu và tửu, rượu - ta có thể so sánh dạng Dậu với âm đầu tiên (hay tiền tố) r- hay l- của dạng song tiết roka hay loka (con gà). Nói cách khác, từ (cổ) song tiết chỉ con gà đã được ký âm bằng Dậu dựa vào âm đầu l- (hay r-). Trên phương diện đồng đại, ta vẫn còn thấy liên hệ d- và r- hiện diện trong các giọng nói vùng duyên hải Bắc phần<sup>4</sup> như dồi dào thành ra rồi rào ... Nếu ta đọc Dậu theo giọng Nam Bộ (jâu), thì không khác gì âm rượu so với rượu ... Nhìn rộng ra thì ta còn thấy tiếng Hàn khi vay mượn các từ Hán cũng có khuynh hướng ngạc cứng hoá âm r/l như yuk (số sáu, lục/six), yong (long, rồng/dragon), yang (lượng/quantity), yongsa (lãnh sự/consulate), yonghon (linh hồn/soul) ...v.v... Tương quan lịch đại và đồng đại của d- (phụ âm đầu Dậu) và r- hay l- còn thấy trong tiếng Việt như

Dầu                      rầu (chất lỏng - nhờn, Mường Bi)

Dàu	rào (tự điển Việt Bồ La/VBL, Alexandre de Rhodes - 1651)
Di	ri (VBL, nước di ra, nói di di ...)
Dợp	rợp (tự điển Việt Hoa Pháp/VHP, Gustave Hue - 1937)
Dê	rê (VHP)
Dức	rúc (thường dùng dạng nhưc)
Dễ	rễ (giễ) - chim rễ giun ...
Dòng	ròng
Đạo (bước)	rào (bước)
Di 夷	ri, rợ (mọi)
Di 移	dời, ròi
Do 由	dò, (theo) dôi, rôi
Dụ 誘	dỗ, rữ (rê), rù ...
Dục 煜	rực rỡ
Diệu 耀	soi, rọ
Dur 歟	ru, rúa (tiếng đệm cuối câu)
Dâm 淫	dâm (dè), rậm
Dao 謠	rao

**Dậu 酉      rượu ..... chủ đề phần này.**

Dần 寅      \*rán và \*tlan/klan (trăn), rông ... Xem thêm liên hệ này trong bài "Nguồn gốc Việt Nam của tên 12 con giáp - Dần-\*kính-kểnh (phần 9)"

...v.v...

Tác giả Li Fang-Kuei<sup>5</sup> còn ghi nhận rằng chữ Dậu được một số tài liệu đời Hán xếp vào âm vận lão 老 hay lưu 留 - điều này cho thấy âm cổ của Dậu có dạng \*la hay \*lu phù hợp với dạng các tiền tố (bây giờ không còn nữa) của tiếng Việt Cổ đã nói bên trên. Theo người viết, chữ tù 罽 (tù



trường, nghĩa nguyên thủy là người phân phát hay quản lý 'rượu') từng có nghĩa cổ là cuối, hết ... cũng như tu 迺 mà tiếng Việt còn duy trì âm cổ này qua dạng ráo (hết ráo, đi ráo ...). Một điểm đáng được lưu ý là phụ âm đầu lưỡi tắc t- (tửu, tù ...) phù hợp với hệ thống âm thanh HV nhập vào tiếng Việt một cách có hệ thống từ đời Đường Tống (âm Trung Cổ), nhưng các dạng rượu, ráo ... lại là các âm từ thời tiền Hán (âm Thượng Cổ) mà khẩu ngữ vẫn còn duy trì.

Hiện tượng giữ âm đầu (như tiền tố \*r- ) của tiếng Hán Cổ khi ký âm cũng từng xảy ra khi ta xem các từ Phạn đa tiết nhập vào ngôn ngữ Trung Quốc thời cổ đại. Thí dụ như Cù Đàm 瞿曇 (họ của đức Phật Tổ) là ký âm của tiếng Phạn गोतम [ gó-tama ], sau đó sinh ra các cách dùng chỉ âm đầu Cù mà thôi như Cù Lão ... Bát đa la 鉢多羅 là ký âm của tiếng Phạn पात्र [ pâ-tra ](vật dụng đựng thức ăn) về sau thường dùng âm đầu bát mà thôi. Tăng già 僧伽 là phiên âm tiếng Phạn samgha संघ (dịch là hoà hay chung); Sau này chỉ dùng âm đầu là tăng để cho ra các cụm từ tăng phòng, tăng lữ, tăng giới, tăng bảo ... Thích Ca hay Thích Già 釋迦 là một cách ký âm của tiếng Phạn शाक्य [ sâk-ya ](họ tộc của Phật Tổ), sau này sinh ra các cách dùng Thích tử 釋子 (sư sãi), Thích giáo 釋教 (đạo Phật), Phật đà 佛陀 là ký âm của tiếng Phạn बुद्ध [ bud-dha ](đã tỉnh ngộ), sau thường dùng âm đầu là Phật để tạo ra các cụm từ Phật giáo, Phật tử, Phật môn, Phật học, Phật nhân, Phật tượng ...v.v...

### 3. Nguyên âm và thanh điệu của Dấu

Thường thì các thanh bậc 3 (third tone, thượng thanh) của giọng BK bây giờ tương ứng với thanh hỏi hay ngã HV như ǒu - ngẫ (đôi, kếp), gǒu - cẩu (chó), shǒu - thủ (đầu), dǒu - đầu (run), chǒu - Sứu ... Dấu hay yǒu BK còn một cách đọc là Dữu mà ít người biết đến, âm này phù hợp với âm Hán Trung Cổ 牖 như đã ghi ở trên. Ngoài ra, âm âu còn liên hệ với u như qua các cặp âu u (sầu), âu ưu, đầu dù, câu cu (ngựa), câu cú, đầu du, râu thu, xấu xú, châu chu, khâu khu ... phù hợp với các cách đọc Dấu và Dữu - so với cách đọc theo Từ Nguyên<sup>7</sup> : Vị đọc là du cửu thiết, thượng, hữu vận - âm dụ. Vấn đề nguồn gốc của thanh điệu (tonegenesis) của tiếng Việt rất thú vị và đã được nhiều học giả bàn đến, như từ thời André Haudricourt (1954 ...), Edwin Pulleyblank (1991 ...), Koichi Honda, Graham Thurgood<sup>8</sup> ... Tuy nhiên không nằm trong phạm vi bài viết nhỏ này.

Theo người viết từ kếp<sup>9</sup> **la cà** trong tiếng Việt là một vết tích của \*raka/\*roka (con gà). Một đặc tính của gà là tuy thuộc vào loài chim (cầm) nhưng lại không bay cao được - chỉ lân la hay **la cà** trên mặt đất. Động từ kếp la cà có thể là nghĩa mở rộng từ đặc tính của loài gà vậy. Từ kếp này

cũng phản ánh khả năng song tiết của tiếng Việt Cổ như đã nói trên và là một mối dây liên hệ trực tiếp đến dạng Dậu hay \*ra(ka) của tên 12 con giáp. Tóm lại ta có cơ sở để cho rằng Dậu là tiếng Hán ký âm của dạng âm cổ \*rɔ-/lɔ- (hay \*ra-/la-), âm đầu của từ song tiết \*roka (con gà, tiền Việt-Mường).

#### 4. Phụ chú và phê bình thêm

Theo tác giả Lê Ngọc Trụ trong "Tầm nguyên tự điển Việt Nam" (1993) thì gà tiếng Việt có gốc từ kê tiếng Hán. Người viết không đồng ý với nhận xét này vì dạng \*ka và \*roka rất thường gặp trong các ngôn ngữ vùng Đông Nam Á, nhất là từ các dân tộc rất ít giao lưu với Trung Hoa thời xưa. Có lẽ ta nhìn rõ bản chất của vấn đề hơn khi tìm lại lịch sử của loài vật này và các tính chất ngôn ngữ liên hệ. Một số tài liệu đề nghị nguồn gốc loài gà là từ loại gà rừng đỏ (red junglefowl) và được loài người thuần hoá từ thời tiền sử. Còn theo tác giả David M. Sherman (2002) thì gà được thuần hoá ở Việt Nam cách đây hơn 10000 năm, trước khi có khám phá này thì người ta cho rằng gà được thuần hoá sớm nhất ở Ấn Độ, sau đó nhập vào Ba Tư. Xem thêm chi tiết trên mạng [http://en.wikipedia.org/wiki/Chicken#cite\\_ref-Sherman\\_0-0](http://en.wikipedia.org/wiki/Chicken#cite_ref-Sherman_0-0) . Người đọc có thể xem thêm [http://www.vanhoahoc.com/site/index.php?option=com\\_content&task=view&id=1054&Itemid=85](http://www.vanhoahoc.com/site/index.php?option=com_content&task=view&id=1054&Itemid=85) để thấy các cách nhìn khác (như dựa vào Di Truyền Học ...) về nguồn gốc Đông Nam Á của gia cầm. Trong một bài báo cáo (6/2008) từ kết quả phân tích mtDNA gần đây, loại gà ở nước Zimbabwe (Phi Châu) có thể liên hệ (nguồn) đến loại gà ở Đông Nam Á - xem thêm bài trên mạng [Mitochondrial DNA D-loop sequences suggest a Southeast Asian and ...](#) . Ngoài ra, trong bài báo cáo [DNA reveals how the chicken crossed the sea : Article : Nature](#) (6/2007), một nhóm các nhà khoa học quốc tế đã tìm ra DNA (qua phân tích 'KFC' gene) của gà Á Châu (Nam Đảo/Polynesian) trong các xương hoá thạch của gà ở Nam Mỹ (Chí Lợi). Kết quả nghiên cứu trên cho thấy hầu hết các loại gà trên thế giới đều có chữ ký mtDNA (mitochondrial DNA signature) liên hệ hay có họ hàng với loại gà Á Châu ... Khám phá này bác bỏ một giả thuyết trước đây cho rằng gà được nhập vào Châu Mỹ khi các nhà thám hiểm Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha (như Christopher Columbus) tới đây, cũng như bác bỏ một giả thuyết khác cho rằng gà xuất phát tự nhiên từ Châu Mỹ. Từ một bài báo cáo khác đăng trong tạp chí Nature (12/2004), gà có những gene tạo protein làm vỏ trứng mà các loài động vật có vú (mammals) không có. Trước kia thì các nhà khoa học chỉ thấy loại gene này ở loài chim mà thôi. Ngoài ra, gà còn có những gene tạo ra enzyme tùy thuộc ánh sáng (light-dependent enzymes) mà các loài động vật có vú đã mất : có thể giải thích khả năng gà gáy vào bình minh rất 'đúng giờ giấc' cũng như loài động vật có vú đã từng hoạt động nhiều về đêm ... Xem thêm bài báo cáo trên mạng <http://www.genome.gov/12514316> hay bài tóm tắt về lịch sử phát triển của loài gà [History of the Chicken - Domestication and the History of the Chicken ...v.v..](#) . Gà là loài vật thường gặp trong các nơi có dân cư, thành ra cũng có rất nhiều tên gọi trong ngôn ngữ loài người. Đây là cách phân loại khoa học của loài gà

Giới (regnum): Animalia (động vật)

Ngành (*phylum*): Chordata (có xương sống)

Lớp (*class*): Aves (gồm các loài chim như bồ câu, nhạn ... các tên 12 con giáp cũng có thể bắt đầu khác nhau ở khâu này như tori/Nhật là chim)

Bộ (*ordo*): Galliformes

Họ (*familia*): Phasianidae

Chi (*genus*): Gallus

Loài (*species*): G. gallus

Tên của chi loài này là **gallus**, chữ này lại có gốc tiếng La Tinh và tiếng Gaul có nghĩa là con gà (cũng dùng để đặt tên con trai ...) - để ý phụ âm đầu g- cuối lưỡi vang của gallus so với âm gà của tiếng Việt. Nếu so sánh với các tiếng kêu của loài gà qua tiếng nói con người, ta thấy có âm cluck (tiếng Anh), kot kot (Phần Lan/Finnish), ko ko hay ka ka (Hy Lạp), chuck chuck (Do Thái), kot kot (Hung Gia Lợi/Hungary), ku ku hay ko ko (Nhật), ko ko (Nga), cocoroco hay cacaraca (Tây Ban Nha), gut gutdak (Thổ Nhĩ Kỳ), cúc cúc (tiếng gà cục tác, Việt) ... Và các tiếng gọi **gà gáy** đều cho thấy khuynh hướng dùng phụ âm cuối lưỡi k- hay g- . Vì thế có thể các tên gọi loài gà nhái lại<sup>6</sup> âm thanh (sound symbolism, onomatopoeia) phát ra từ loài vật này như tiếng Thái và Lào là gài, Việt gà ... tiếng proto-Min (tiền Mân) hay Mân Cổ là \*kei, một tiếng địa phương thời Hán là \*ke (theo Phương Ngôn), tiếng Thái Cổ (proto-Tai) là \*koi<sup>B1</sup>, tiếng Kadai Cổ là \*ki, tiếng Miao-Yao Cổ (proto-Miao-Yao) là \*kai, một dạng tiếng Việt Cổ là \*r-ka ...v.v... Đây lại là một đề tài lớn rất lý thú (nguồn gốc ngôn ngữ loài người) không nằm trong phạm vi bài viết nhỏ này. Tuy nhiên, nếu chữ kê hay những dạng tương tự như đã nói trên được dùng thay cho dạng Dậu thì vấn đề nguồn gốc tiếng Việt (qua dạng cổ \*rogà) của chi này khó có cơ sở giải thích.

(1) dựa vào "Từ điển thành ngữ Việt Nam" - Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành - NXB Văn Hóa Thông Tin - Hà Nội (1994); "Tục ngữ phong dao" tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc - NXB Đại Nam (in lại)...v.v... Thành ngữ TQ dựa theo tác giả Thường Tuấn trong cuốn 'Văn Hoá về 12 con giáp' - bản dịch tiếng Việt - NXB Tổng Hợp TP HCM (2005), hay tác giả Trọng Hậu trong cuốn "12 con giáp và đời người" (NXB Hải Phòng - 2008). Thật ra ta cần cả một cuốn sách lớn viết về thành ngữ tục ngữ liên hệ đến loài gà trong văn hoá Trung Quốc hay Việt Nam, bài viết này chỉ ghi lại một số câu tiêu biểu mà thôi.

(2) xem thêm bảng so sánh các cách gọi tên 12 con giáp trong những ngôn ngữ Á Châu - bài viết "Nguồn gốc Việt nam của tên 12 con giáp (phần 2)"

(3) theo các bài viết của tác giả Nguyễn Văn Tài như "Nguồn - A dialect of Vietnamese or a dialect of Mường? (based on local data)" dịch ra tiếng Anh bởi Miriam A. Barker; Hay bài viết của tác giả Nguyễn Phú Phong như "The Nguồn language of Quảng Bình, VietNam" ... Các bài này được đăng trên mạng với địa chỉ [archives.se.lang.net/mks/copyright.htm](http://archives.se.lang.net/mks/copyright.htm)

(4) Tự điển Việt Bồ La (1651) ghi nhận '!... Vì cách phát âm r là khuyết điếm tiếng nói trong một số làng mạc gần thủ đô, bởi lẽ là trong nhiều từ, âm d được đổi ra r ...' (trong định nghĩa chữ rấp, dớp nước). Giọng Sài Gòn (Nam phần) hiện tại cũng có khuynh hướng không phân biệt hai phụ âm đầu lưỡi (quặt lưỡi) r- và d- . Một điều đáng ghi nhận vẫn tất ở đây là các phụ âm trơn hay nước (liquid consonants) r và l thường khó đọc và dễ tạo ra nhiều biến âm - điều này còn thấy trong sự khác biệt giữa giọng Mỹ, giọng Anh (âm r khác nhau) hay giọng Bắc Bộ (giọng Bắc Việt Nam đọc phụ âm r như z so với giọng Sài Gòn và giọng Rạch Giá, Sóc Trăng; Người Trung Quốc, Nhật cũng rất khó phát âm r theo hệ thống âm thanh Mỹ, Pháp ... Chính các cách đọc khác nhau của âm trơn r, l đã đóng góp vào quá trình hình thành các phương ngôn. Trong quá trình đắc thụ ngôn ngữ (language acquisition), các đứa bé thường bắt đầu đọc được âm trơn từ khoảng 2 năm bốn tháng trở đi, cũng như các phụ âm xát phức tạp v, z, ʒ, θ, ð ... càng trễ hơn nữa. Xem thêm chi tiết từ trang 240, cuốn "The Cambridge Encyclopedia of Language" tác giả David Crystal (NXB Cambridge University Press, 1987).

(5) điều này được tác giả Jerry Norman ghi lại trong bài viết "A note on the origin of the Chinese Duodenary system" (1985) đăng trong cuốn 'Linguistics of the Sino-Tibetan area' Pacific Linguistics Series C – No. 87. Bài viết của André Haudricourt là "Les Mutations Consonantiques des Occlusives initiales en Mon-Khmer" BEFEO 60 (1965) – trang 171. Cũng nên nhắc lại ở đây là tác giả Paul Benedict trong cuốn "Austro-Thai - Language and Culture" (1975) đã lặp lại giả thuyết của GS Li Fang-Kuei về dạng âm cổ phục nguyên của Dậu là \*raka hay \*rôka ... Sau khi so sánh các từ chỉ loài gà ở trong vùng Đông Nam Á và Thái, Benedict khẳng định rằng 12 con giáp có nguồn gốc từ một tiếng cổ nào đó ở miền Nam TQ hay Bắc Việt Nam. Ông đề nghị quá trình đơn âm hoá của \*rôga đã cho ra hai dạng \*rô hay \*ru và \*ga hay \*ka mà các ngôn ngữ địa phương vẫn còn duy trì; Thí dụ như dạng ngựa là âm (tiết) cuối của dạng \*sanga và sa (tiếng Dìoi..) duy trì âm (tiết) đầu, cũng như mắt là âm cuối của \*mata, tiếng Thái ta là mắt duy trì âm sau so với tiếng Việt mắt duy trì âm đầu ...v.v...

(6) xem thêm "ABC Etymological Dictionary of Old Chinese" của tác giả Axel Schuessler - NXB University of Hawai'i Press - Honolulu (2007)

(7) tự điển "Từ Nguyên"/TN - Thương Vụ Ấn Thư Quán (Bắc Kinh - 2004). Trong phần trích dẫn, TN ghi nhận các nghĩa và cách dùng theo thứ tự thời gian (từ xưa tới nay). Nghĩa xưa nhất mà TN ghi là (thời) Hán - (tác giả) Vương Sung 王充 : Dậu kê dã (Dậu là con gà). Có những cách dùng xưa hơn của Dậu - dùng để chỉ thời gian (năm) như Tư Mã Thiên đã từng ghi trong 《史記·秦始皇本紀》: 己酉, 王冠, 帶劍 Sử kí - Tần Thủy Hoàng bản kỉ ": Kỷ Dậu , Vương Quan , đai kiếm ... Hay thời Xuân Thu <春秋·隱公六年 > 夏, 五月, 辛酉, 公會齊侯盟 于艾。 < Xuân Thu - bản công lục niên >: hạ , ngũ nguyệt , Tân Dậu , công hội hầu minh vu ngải ...v.v... Định nghĩa của Vương Sung (27-97) ở trên cho thấy đời Hán, khái niệm có hệ thống về 12 con giáp đã có mặt. Điều đáng để ý là Vương Sung người miền Cối Kê, tỉnh Chiết Giang (Việt Vương Câu Tiễn - nước Việt) có thể bị nhiễm ảnh hưởng của văn hoá phương Nam.

(8) xem thêm các bài tóm tắt của Graham Thurgood [Vietnamese and tonogenesis: revising the model and the analysis](#) hay trong cuốn [Diachronica 19:2](#). (trang 333–363, 2002), hay Koichi Honda (2005) [TONE CORRESPONDENCES AND TONOGENESIS IN VIETIC](#) ...v.v... về các giả thuyết hình thành thanh điệu trong tiếng Việt từ thời GS André Haudricourt (1954).

(9) các cách dùng từ kép la cà như *lính la cà các hàng rượu, đi la cà khắp nơi, đi la cà mãi không về* ... Theo tác giả Gustave Hue trong "Dictionnaire vietnamien chinois francais" (1937), "Việt Nam tự điển" (Việt Nam Văn Hoá Hiệp Hội, 1954)